

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 604/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRONG ASEAN ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Quan điểm

a) Quán triệt tinh thần Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế, hội nhập ngành giao thông vận tải phải được thực hiện đồng bộ trong chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước; tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

b) Kết nối giao thông vận tải là một bộ phận của Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN hướng tới hình thành Cộng đồng ASEAN với tầm nhìn bền vững và lâu dài trên cơ sở đẩy mạnh hoàn thành thực hiện các cam kết mà Việt Nam đã ký kết, đồng thời tích cực đề xuất sáng kiến, chủ động đóng góp xây dựng, định hình luật chơi chung trên nguyên tắc phát huy vai trò, lợi thế của quốc gia và của cả cộng đồng ASEAN trong khu vực và quốc tế; tiếp tục thúc đẩy và thực hiện có hiệu quả cơ chế hợp tác do ASEAN giữ vai trò trung tâm, củng cố quan hệ hợp tác với các bên đối thoại của ASEAN, thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực.

c) Tăng cường kết nối giao thông vận tải cần thực hiện đồng bộ về kết cấu hạ tầng giao thông, thể chế chính sách và con người nhằm tạo ra một hệ thống giao thông

vận tải hài hòa, gắn kết, thuận lợi và hiệu quả. Nâng cao hiệu quả trong phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN một cách đồng bộ, bền vững theo đúng lộ trình đã đề ra.

d) Bảo đảm tính thống nhất giữa nội dung kế hoạch kết nối giao thông vận tải trong ASEAN với các chương trình hợp tác tiểu vùng, đặc biệt là Hợp tác tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS); gắn kết và lồng ghép giữa kế hoạch và lộ trình thực hiện kết nối khu vực với quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia, giữa kết nối qua biên giới và kết nối nội địa.

đ) Huy động tối đa mọi nguồn lực để tăng cường thực hiện kết nối; đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế như ADB, WB, JICA... cũng như của các đối tác lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc... trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình hội nhập và kết nối giao thông vận tải trong ASEAN.

2. Mục tiêu

a) Hoàn thành việc thực hiện các cam kết của Việt Nam trong ASEAN về giao thông vận tải.

b) Phát huy hiệu quả kết nối để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế, vai trò và năng lực cạnh tranh quốc tế của Việt Nam.

c) Lồng ghép thực hiện các mục tiêu kết nối giao thông vận tải trong ASEAN với việc hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra theo các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các dự án cụ thể của ngành giao thông vận tải được phê duyệt.

3. Nhiệm vụ

Chủ động đề xuất, xây dựng, thực hiện các kế hoạch, mục tiêu của ASEAN về phát triển và kết nối về giao thông vận tải giai đoạn sau 2015 trên cơ sở tiếp tục thực hiện và phát huy các kết quả đạt được trong giai đoạn 2011-2015;

a) Về kết nối hạ tầng giao thông

Hoàn thiện kết nối hệ thống hạ tầng giao thông vận tải đường bộ (mạng đường bộ ASEAN). Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo và kết nối các tuyến quốc lộ theo chiến lược và quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt để đảm bảo hoàn thiện mạng đường bộ ASEAN trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với các cam kết tại các điều ước quốc tế liên quan.

Xây dựng các tuyến còn thiếu thuộc Dự án đường sắt Xinh-ga-po - Côn Minh trên lãnh thổ Việt Nam, gồm tuyến Lộc Ninh - TP. Hồ Chí Minh và tuyến Mụ Giạ - Tân Ấp - Vũng Áng. Nâng cấp hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc Nam, nghiên cứu xây dựng mới tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng để kết nối với Trung Quốc và đường sắt vào cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Lạch Huyện).

Tiếp tục thực hiện đầy đủ các mục tiêu về phát triển mạng lưới cảng biển ASEAN; đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cảng biển của Việt Nam trong danh sách cảng biển ASEAN hiện nay để phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đã được phê duyệt; triển khai đầu tư và hoàn thành nâng cấp mở rộng khu bến Tiên Sa giai đoạn 2 vào năm 2020.

Nâng cao năng lực kết nối đường thủy nội địa giữa Việt Nam với Cam-pu-chia. Đảm nhiệm tốt vai trò nước điều phối xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển tổng thể hệ thống đường thủy trong ASEAN giữa Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Thái Lan.

Xây dựng, nâng cấp các cảng hàng không quốc tế đảm bảo cung cấp đủ năng lực và chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu.

Điều chỉnh, bổ sung danh sách cảng cạn Việt Nam cần phát triển trong danh sách cảng cạn ASEAN, phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn đã được phê duyệt. Hình thành và phát triển hệ thống vận tải đa phương thức, logistics ASEAN hội nhập và hiệu quả, thân thiện với môi trường; phát triển hệ thống cảng cạn và trung tâm phân phối hàng hóa, dịch vụ logistics ASEAN.

b) Về kết nối vận tải

Tham gia xây dựng và hội nhập Thị trường hàng không thống nhất ASEAN, Thị trường vận tải biển thống nhất ASEAN; kết nối hiệu quả vận tải đường thủy và đường sắt ASEAN, vận tải đa phương thức ASEAN.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi vận tải cho hàng hóa quá cảnh, vận tải liên quốc gia và đa phương thức.

Hoàn thành việc ký kết và triển khai thực hiện có hiệu quả Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho vận tải hành khách qua biên giới bằng đường bộ.

Hoàn thiện Cơ chế Một cửa quốc gia hướng tới việc thực hiện Cơ chế Một cửa ASEAN.

Thực hiện các mục tiêu chung của ASEAN về hợp tác nội khối và hợp tác với các đối tác đối thoại, trong đó lấy ASEAN làm trung tâm.

c) Về kết nối con người

Tạo thuận lợi cho việc di chuyển của người và phương tiện qua biên giới giữa các nước ASEAN, hỗ trợ phát triển về du lịch ASEAN.

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập và kết nối giao thông vận tải trong ASEAN; chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuyền viên, phi công, cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức và logistics theo tiêu chuẩn quốc tế. Hải hòa các tiêu chuẩn về đào tạo giữa các nước thành viên; công nhận lẫn nhau về chứng chỉ, bằng cấp.

II. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN KẾT NỐI GIAO THÔNG VẬN TẢI TRONG ASEAN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Tăng cường đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông phục vụ kết nối

a) Đường bộ

Ưu tiên tập trung hoàn thành đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ thuộc mạng đường bộ ASEAN: Quốc lộ 1A, 22 (AH1), 2, 5, 70 (AH14), 6, 279 (AH13), 8A (AH15), 9A (AH16), đường Hồ Chí Minh, 14B, 13, 51 (AH17), 12A (AH131), 24, 14, 40 (AH132).

Đưa các tuyến đường bộ cao tốc có hướng tuyến phù hợp vào khai thác như là một phần của mạng đường bộ ASEAN để tạo thuận lợi và nâng cao chất lượng vận tải:

Cao tốc Bắc Nam (các đoạn Lạng Sơn - Hà Nội, Ninh Bình - Bãi Vọt, La Sơn - Túy Loan, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Phan Thiết - Thành phố Hồ Chí Minh), Lào Cai - Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu.

Đến năm 2020, các tuyến AH1, AH14 cơ bản đạt cấp I trở lên theo tiêu chuẩn đường bộ ASEAN; các tuyến AH13, AH15, AH16, AH17, AH131, AH132 cơ bản đạt tiêu chuẩn cấp II.

Kết hợp, lồng ghép các nội dung kết nối giao thông vận tải ASEAN với xây dựng chương trình kết nối tổng thể hệ thống giao thông vận tải giữa Việt Nam với các nước Lào, Cam-pu-chia và Trung Quốc.

b) Đường sắt

Tăng cường kêu gọi đầu tư cho hai tuyến Lộc Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh và tuyến Mụ Giạ - Tân Ấp - Vũng Áng thuộc hệ thống đường sắt Xinh-ga-po - Côn Minh để có thể triển khai đầu tư xây dựng trước năm 2020. Trước mắt, cần đẩy nhanh thực hiện nghiên cứu khả thi tuyến Mụ Giạ - Tân Ấp - Vũng Áng. Chủ động đề xuất, phối hợp tích cực với các nước ASEAN, đặc biệt là các nước láng giềng như Lào và Cam-pu-chia, để thống nhất triển khai và hoàn thành đồng bộ các dự án tuyến còn thiếu, đảm bảo sự kết nối và đưa vào khai thác có hiệu quả toàn tuyến Xinh-ga-po - Côn Minh sau khi hoàn thành xây dựng.

Đảm bảo thực hiện đúng theo chiến lược, quy hoạch quốc gia về tiến độ đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hoặc xây dựng mới các tuyến đường sắt Bắc Nam, đường sắt Lào Cai - Hà Nội thuộc đường sắt Xinh-ga-po - Côn Minh.

c) Đường biển

Phát huy vai trò của hệ thống cảng biển Việt Nam là cửa ngõ ra Biển Đông của nhiều hành lang vận tải ASEAN, tập trung vào các cảng: Vũng Tàu (Cái Mép - Thị Vải), Hải Phòng (Lạch Huyện), Quảng Ninh (Cái Lân), Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nghi Sơn, Vũng Áng. Dành quỹ đất thích hợp phía sau cảng để xây dựng trung tâm phân phối hàng hóa, dịch vụ hậu cảng, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia, các cảng cạn từng bước tạo thành mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại.

Tăng cường nâng cao năng lực quản lý khai thác để nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh, sức hấp dẫn của cảng Đà Nẵng trên hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC).

Đổi mới mô hình quản lý cảng biển phù hợp với Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của khu vực tư nhân, đặc biệt các nhà đầu tư ngoài nước vào đầu tư xây dựng cảng biển theo các hình thức như đầu tư - cho thuê kết cấu hạ tầng cảng biển, đối tác công tư (PPP).

Triển khai áp dụng cơ chế một cửa quốc gia tại tất cả các cảng biển từ 2015; đẩy nhanh việc triển khai ứng dụng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử EDI; đổi mới quản lý khai thác cảng theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001-2000.

d) Đường thủy nội địa

- Phối hợp với Cam-pu-chia thực hiện nâng cấp tuyến đường thủy kết nối Việt Nam - Cam-pu-chia, hoàn thành trước năm 2020.

- Đảm nhiệm tốt vai trò nước điều phối xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển tổng thể hệ thống đường thủy trong ASEAN giữa Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Thái Lan trong năm 2015.

đ) Hàng không

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng quản lý bay, đường lăn, sân đỗ, nhà ga nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các cảng hàng không hiện có, trong đó ưu tiên việc mở rộng, nâng cấp các cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Cát Bi, Phú Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh; triển khai đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành (sau khi được Quốc hội thông qua về mặt chủ trương) và đầu tư nâng cấp cảng hàng không Chu Lai.

e) Hạ tầng vận tải đa phương thức và logistics

Khẩn trương triển khai đầu tư xây dựng hệ thống cảng cạn, tiến tới phát triển các trung tâm logistics làm đầu mối kết nối các phương thức vận tải và tổ chức vận tải đa phương thức, cung cấp dịch vụ logistics theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn đã được phê duyệt. Ưu tiên thực hiện đầu tư các cảng cạn có khả năng kết nối trực tiếp với đường sắt và sẵn có kết nối đường bộ thuận lợi với cảng biển.

Tiếp tục đầu tư xây dựng mạng lưới các trạm dừng nghỉ cho hành khách trên đường bộ, trạm tiếp xăng dầu, dịch vụ sửa chữa, trước tiên là trên quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh các tuyến quốc lộ, đường bộ cao tốc thuộc mạng lưới đường bộ ASEAN.

Xây dựng các hệ thống kho, bãi, dịch vụ hậu cần phục vụ trung chuyển hàng hóa, phương tiện tại các cửa khẩu đường bộ quốc tế.

2. Kết nối vận tải qua biên giới

Tiếp tục thực hiện các hiệp định song phương và đa phương về hàng không, hàng hải, đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa, về tạo thuận lợi cho vận tải người và hàng hóa qua biên giới, vận tải liên quốc gia, vận tải đa phương thức trong khuôn khổ ASEAN. Thống nhất và sắp xếp các kế hoạch phát triển và kết nối ASEAN phù hợp với các sáng kiến, dự án và chương trình cấp độ quốc gia và tiểu vùng khác đang được thực hiện để góp phần giảm căng thẳng về nguồn lực, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và tăng khả năng điều phối.

Tăng cường hợp tác tạo thuận lợi cho vận tải qua biên giới và vận tải liên quốc gia ASEAN, trước mắt tập trung phát triển vận tải giữa Việt Nam với các nước láng giềng Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan và Mi-an-ma. Đẩy mạnh phát triển vận tải trên hành lang kinh tế Đông Tây và hành lang phía Nam. Tiếp tục tăng cường phối hợp với các nước láng giềng để mở các tuyến vận tải hành khách cố định, các tuyến du lịch qua biên giới.

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định về tạo thuận lợi vận tải và thương mại qua biên giới, thường xuyên phối hợp tổ chức kiểm tra việc tạo thuận lợi cho hàng hóa, người và phương tiện qua lại biên giới. Tổ chức lại hoạt động của các lực lượng chức năng, quy định thủ tục hành chính thống nhất tại cửa khẩu, đồng thời hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trung tâm trung chuyển hàng hóa, các kho thương mại chuyên ngành tại cửa khẩu biên giới.

Điều chỉnh các quy định chưa hợp lý về phương tiện, người và hàng hóa qua biên giới, trong đó các quy định về số lượng xe được phép qua biên giới, địa điểm được phép vào sâu trong nội địa, khối lượng hàng hóa được chuyên chở... Tăng cường

các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về các điều kiện, quy định về kiểm tra hàng hóa, phương tiện và hành khách qua biên giới.

3. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải

a) Đường bộ

Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và hiện đại hóa các phương tiện vận tải đường bộ, đảm bảo tiện nghi, an toàn và bảo vệ môi trường; nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ phù hợp với tiêu chuẩn đường bộ của các nước ASEAN để đảm bảo kết nối và hội nhập quốc tế.

Phát triển phương tiện vận tải đường bộ theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường; tăng cường quản lý, kiểm soát điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện cơ giới đường bộ khi tham gia giao thông.

b) Đường biển

Tăng cường năng lực cạnh tranh của đội tàu quốc gia: Tiếp tục duy trì vị thế chủ đạo trên thị trường vận tải biển nội địa; tăng năng lực và thị phần vận tải giữa Việt Nam với các quốc gia và vận tải quốc tế trong khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á; từng bước mở rộng khai thác thị trường châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, Nam Á; tham gia cung ứng dịch vụ trên các tuyến vận tải viễn dương và trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Ưu tiên phát triển năng lực vận tải đa phương thức trên các hành lang kết nối với các cảng biển trọng điểm; tập trung đẩy mạnh kết nối vận tải đa phương thức giữa các cảng biển khu vực Cái Mép - Thị Vải với thị trường Cam-pu-chia, các cảng khu vực Hải Phòng với Tây Nam Trung Quốc, các cảng khu vực miền Trung với Lào, Thái Lan và Mi-an-ma.

Nâng cao hệ thống hỗ trợ hàng hải và các biện pháp an ninh theo tiêu chuẩn quốc tế; tích cực ký kết/gia nhập các công ước quốc tế về hàng hải của Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) và các tổ chức khác; ký kết các hiệp định vận tải biển song phương với các nước ASEAN còn lại gồm Mi-an-ma, Bru-nây và Cam-pu-chia; ký kết Thỏa thuận công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên theo Công ước quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp chứng chỉ và Trục ca của Thuyền viên (STCW) 78/95 với các nước ASEAN còn lại là Thái Lan, Cam-pu-chia, Bru-nây.

Đẩy mạnh phát triển chuỗi sản phẩm vận tải và du lịch đường biển, nâng cao năng lực tiếp nhận tàu chở khách du lịch đồng thời tăng cường khả năng kết nối thuận tiện đến các điểm du lịch trên đất liền; từng bước phát triển đội tàu khách du lịch cỡ lớn kết nối Việt Nam với các điểm du lịch quan trọng trên thế giới.

c) Hàng không

Nâng cao năng lực của các hãng hàng không trong nước đủ sức cạnh tranh tham gia thị trường hàng không thống nhất ASEAN, tiến tới tham gia có hiệu quả vào các thị trường hàng không liên khối rộng lớn hơn như ASEAN - EU, ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Hàn Quốc... Tiếp tục tăng cường sự tham gia của các hãng hàng không tư nhân, hàng không giá rẻ.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa và phát triển đội tàu bay chở hàng riêng của các hãng hàng không Việt Nam, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển cảng hàng không trung chuyển hàng hóa quốc tế tại Chu Lai.

Củng cố, tăng cường chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị; kiểm tra rà soát quy trình vận hành; chấn chỉnh kỷ luật, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành bay bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn cho hoạt động bay.

Nâng cao chất lượng dịch vụ ở các nhà ga sân bay, cảng hàng không để xây dựng, quảng bá hình ảnh đẹp của hàng không nói riêng và đất nước, con người Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới.

d) Đường thủy nội địa

Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và hiện đại đội tàu vận tải đường thủy bao gồm tàu kéo, đẩy, tàu tự hành có công suất lớn, tàu chở công-ten-nơ và phương tiện thủy chở khách hiện đại tốc độ cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ vận tải thủy trên luồng tuyến (phao tiêu, biển báo, thông báo luồng) cũng như tại các cảng, bến thủy (vùng nước neo đậu, thủ tục phương tiện ra, vào cảng, bến).

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị bốc xếp và hệ thống kho bãi đáp ứng yêu cầu của vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics.

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định tại Hiệp định Vận tải thủy Việt Nam - Cam-pu-chia theo hướng tăng tuyến quá cảnh đi qua sông Tiền, sông Hậu. Cải thiện thủ tục hành chính tại cửa khẩu để tạo điều kiện cho doanh nghiệp.

đ) Đường sắt

Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa tại các ga liên vận, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa liên vận phát triển; đẩy mạnh du lịch bằng đường sắt, kết nối dịch vụ du lịch đường sắt với du lịch đường bộ, hàng không, hàng hải; hình thành các đoàn tàu du lịch có chất lượng dịch vụ cao; tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành để tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hải quan, xuất nhập cảnh cho hành khách.

e) Vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế và kết nối đa phương thức trong vận tải nội địa; nhanh chóng hoàn thành quy hoạch mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp (trung tâm logistics, cảng cạn, kho, bãi hàng hóa) và các tuyến vận tải thu, gom hàng hóa trong các đô thị lớn và các vùng kinh tế trọng điểm.

Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích thành lập một số doanh nghiệp vận tải đa phương thức có quy mô lớn, có khả năng thực hiện các chuỗi vận tải hoàn chỉnh đường bộ “đường sắt - đường biển hoặc đường bộ - đường thủy - đường biển, đường bộ - đường hàng không; tăng cường kết nối dịch vụ vận tải giữa các phương thức thông qua việc kết nối hoạt động phân phối dịch vụ; bảo đảm khả năng cung ứng chuỗi dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa - quốc tế với giá thành hợp lý, chất lượng cao; đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải ở nước ngoài.

Đảm bảo chất lượng, giảm giá thành vận tải, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và thân thiện với môi trường, đẩy mạnh các loại hình vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và giao thông công cộng kết nối liên tỉnh, liên quốc gia để kịp thời đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách nội địa và khu vực.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển dịch vụ logistics quốc tế, cung cấp dịch vụ trọn gói ba bên, bốn bên, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử và mô hình quản trị chuỗi cung ứng hiện đại.

4. Tăng cường huy động các nguồn lực để kết nối

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là theo hình thức đối tác công - tư (PPP) nhằm tạo bước đột phá về huy động nguồn vốn trên cơ sở nghiên cứu lựa chọn mô hình, hoàn thiện khung chính sách về hình thức đầu tư PPP trong ngành giao thông vận tải.

Tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế, các tổ chức tài chính, các cơ quan tài trợ và các đối tác đối thoại truyền thống và tiềm năng như Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Liên minh châu Âu (EU), Ngân hàng cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... để huy động nguồn tài chính cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cũng như các dự án hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực để tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN.

Phát huy tối đa sự hỗ trợ nguồn lực từ các cơ chế tài chính ASEAN và châu Á khác như: Quỹ Cơ sở hạ tầng ASEAN (AIF), Quỹ khí hậu xanh (GCF), Quỹ Hợp tác và Môi trường châu Á, Quỹ Hỗ trợ tài chính cho Cơ sở hạ tầng của Nhật Bản, Quỹ Hợp tác đầu tư ASEAN - Trung Quốc, Quỹ bảo lãnh tín dụng và đầu tư ASEAN+3 (CGIF)...

5. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực

Tập trung đầu tư nâng cao năng lực và trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo, huấn luyện, đặc biệt là đào tạo phi công, kiểm soát viên không lưu, sĩ quan, thuyền viên,... để đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế; nghiên cứu thành lập các trung tâm đào tạo cấp quốc gia về logistics, đồng thời phát triển chương trình giảng dạy chung về quản lý logistics.

Tăng cường sự phối hợp giữa các nước ASEAN, triển khai có hiệu quả các dự án hỗ trợ kỹ thuật đào tạo của các tổ chức quốc tế, các đối tác đối thoại để phát triển và nâng cấp kỹ năng, xây dựng năng lực cho nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức và nhà cung cấp dịch vụ logistics (LSPs) trong nước; xây dựng hệ thống chứng nhận kỹ năng quốc gia cho LSPs.

Đẩy mạnh triển khai quy hoạch phát triển nhân lực ngành giao thông vận tải giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt.

6. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ; an ninh, an toàn hàng hải, hàng không

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2012), đảm bảo mục tiêu giai đoạn 2012 - 2020 giảm hàng năm 5 - 10% số người chết do tai nạn giao thông đường bộ, đồng thời áp dụng đồng bộ, bền vững các giải pháp chính sách an toàn giao thông đường bộ đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai.

Tập trung nâng cấp, cải tạo và tăng cường điều kiện an toàn của kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; xóa bỏ các điểm đen tai nạn giao thông đường bộ, đặc biệt trên các tuyến quốc lộ thuộc mạng lưới đường bộ ASEAN.

Phát triển hệ thống hàng hải an toàn và hệ thống an ninh hàng hải tiên tiến phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực như an ninh, an toàn hàng không và quản lý hoạt động bay; hoàn thiện hệ thống an toàn hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế và hội nhập ASEAN.

Tham gia đầy đủ chương trình diễn tập phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không và hàng hải để nâng cao khả năng tìm kiếm và cứu nạn.

7. Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế

Rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật và thủ tục hành chính của Việt Nam cho phù hợp với pháp luật, tập quán quốc tế và của ASEAN. Nội luật hóa các cam kết quốc tế trong lĩnh vực giao thông vận tải. Tăng cường kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các cam kết và nghĩa vụ của Việt Nam.

Tăng cường sự phối hợp ở mọi cấp độ với các nước thành viên ASEAN để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra. Đề xuất các lộ trình, cơ chế phù hợp với từng trường hợp cụ thể để vừa đảm bảo thực hiện các mục tiêu chung, vừa đảm bảo lợi ích của các nước thành viên.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương và Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế trong giải quyết các vấn đề liên ngành liên quan đến hoạt động qua biên giới của người, phương tiện và hàng hóa, ban hành các cơ chế, chính sách đồng bộ, hợp lý tạo thuận lợi cho vận tải.

Nghiên cứu thành lập Cơ quan liên ngành để phối hợp chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành, địa phương trong đầu tư, phát triển dịch vụ logistics.

Lồng ghép kế hoạch, mục tiêu của cam kết ASEAN vào các chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải và các lĩnh vực chuyên ngành đảm bảo gắn kết, hài hòa với mục tiêu phát triển và kết nối hệ thống giao thông vận tải trong ASEAN, GMS và các cơ chế hợp tác quốc tế khác về giao thông vận tải mà Việt Nam là thành viên.

Nâng cao tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận tải, hiệu quả sử dụng năng lượng; kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường trong hoạt động vận tải.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế, Ban Chỉ đạo về điều phối kết nối ASEAN của Việt Nam, Ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN và Cơ chế một cửa quốc gia và các Bộ, ngành có liên quan để đảm bảo thực hiện các chiến lược, quy hoạch và dự án ngành giao thông vận tải quốc gia hài hòa với các cam kết về kết nối giao thông vận tải ASEAN.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để củng cố, tăng cường tổ chức và cán bộ chuyên trách nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Nhóm công tác tạo thuận lợi vận tải quốc gia của Việt Nam.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương khẩn trương thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng hạ tầng và dịch vụ cảng biển, vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, cải thiện hệ thống dịch vụ logistics, giảm chi phí dịch vụ vận tải xuống bằng mức trung bình của các nước ASEAN-6.

e) Hàng năm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện kết nối giao thông vận tải; chủ động nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Bộ Ngoại giao

a) Là cơ quan đầu mối phối hợp với các nước ASEAN, các nước đối tác và các tổ chức, cơ chế hợp tác đa phương quốc tế và khu vực nhằm phối hợp, hỗ trợ việc thực hiện tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN của Việt Nam.

b) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan rà soát, xác định các dự án thuộc Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN cần hỗ trợ kỹ thuật/tài chính để đề xuất với Ủy ban Điều phối kết nối ASEAN (ACCC) phối hợp giải quyết.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan chủ trì, điều phối hoạt động của Ban Chỉ đạo về điều phối kết nối ASEAN của Việt Nam, phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành có liên quan để đảm bảo việc triển khai, thực hiện tăng cường kết nối giao thông vận tải của Việt Nam trong ASEAN.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải làm việc với các nước đối tác của ASEAN, các ngân hàng phát triển đa phương, các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân và các bên liên quan khác nhằm huy động nguồn lực cần thiết cho thực hiện kết nối ASEAN, trước mắt ưu tiên tập trung tìm kiếm nguồn vốn để triển khai xây dựng 02 tuyến đường sắt Lộc Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh và Mụ Giạ - Tân Ấp - Vũng Áng.

c) Bố trí vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước thực hiện các dự án quốc gia có phần góp vốn của Nhà nước để tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tích hợp các nội dung của Đề án này với Đề án “Xây dựng chính sách phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, gắn phát triển kết cấu hạ tầng trong nước với mạng lưới hạ tầng trong các liên kết khu vực”.

4. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan đề xuất các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện các dự án quốc gia tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN.

b) Căn cứ lộ trình, kế hoạch được Ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN và Cơ chế một cửa quốc gia phê duyệt, chỉ đạo, điều phối hoạt động triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN theo phạm vi chức năng của Bộ; chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để triển khai Cơ chế một

cửa quốc gia vào năm 2015; làm đầu mối phối hợp với các nước thành viên ASEAN để kết nối Cơ chế một cửa ASEAN vào năm 2016 theo lộ trình chung của ASEAN.

c) Thúc đẩy việc ký kết và/hoặc triển khai thực hiện Nghị định thư số 2 về Trạm cửa khẩu biên giới, Nghị định thư số 5 về Cơ chế bảo hiểm ASEAN và Nghị định thư số 7 về Hệ thống Hải quan quá cảnh để có thể sớm triển khai thực hiện Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh.

5. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan xây dựng chiến lược phát triển logistics quốc gia, cơ chế phối hợp quản lý hoạt động logistics; nghiên cứu phương án thành lập Cơ quan phối hợp liên ngành về phát triển logistics để phối hợp chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành, địa phương trong đầu tư, phát triển dịch vụ logistics.

b) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan thúc đẩy thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cam kết thương mại quốc tế trong khuôn khổ WTO, ASEAN và các Hiệp định thương mại tự do (FTA) để tạo sự thuận lợi cho sự di chuyển của người, phương tiện và hàng hóa.

c) Tăng cường kiểm tra, xử lý đúng pháp luật các hoạt động kinh doanh trái phép, chống buôn lậu và gian lận thương mại, lũng đoạn thị trường, cạnh tranh không lành mạnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, xây dựng hành lang pháp lý thông thoáng, đồng bộ với các nước trong khu vực, kết nối giao thương giữa các quốc gia như Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Mi-an-ma với các cảng biển của Việt Nam.

6. Bộ Tư pháp

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành, địa phương rà soát, hệ thống hóa, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định pháp luật và thủ tục hành chính cho phù hợp với pháp luật, tập quán quốc tế và của ASEAN.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các Bộ, ngành khác

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành có liên quan thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ đã được phân công theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN và Cơ chế một cửa quốc gia (Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-BCĐASW ngày 23 tháng 5 năm 2012), thực hiện các giải pháp nhằm tạo thuận lợi vận tải trong ASEAN.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trong việc hợp tác phát triển vận tải với các nước ASEAN và các nước đối thoại, đặc biệt là các nước láng giềng; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu triển khai mở các tuyến vận tải trên cơ sở các hiệp định vận tải đã ký giữa Việt Nam và các nước trong khuôn khổ hợp tác ASEAN,... Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh, thế mạnh về hợp tác kinh tế, du lịch của địa phương để thu hút đầu tư, phát triển du lịch, gia tăng sự lưu chuyển người, phương tiện và hàng hóa giữa Việt Nam với các nước trong ASEAN và các nước đối thoại.

9. Nguồn kinh phí để triển khai Đề án

a) Đối với các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi và thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải: Bộ Giao thông vận tải thực hiện trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ từ ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn huy động khác để thực hiện các mục tiêu đã đề ra theo chiến lược, quy hoạch ngành giao thông vận tải đã được phê duyệt.

b) Đối với các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi và thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành: Các Bộ, ngành thực hiện trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ từ ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn huy động khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo liên ngành HTQT về kinh tế;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, QHQT (3b). Q

THỦ TƯỚNG
(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng